TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 335/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. T, ngày 19 tháng 9 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 433/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện X, tỉnh T.

2. Anh Lưu Bích N1 - sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số nhà 23 C, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh N1 kết hôn với nhau vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện X, tỉnh T. Do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Chị N và anh N1 đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh N và anh N1 thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Chị N và anh N1 có 01 con chung là cháu Lưu Quỳnh N2, sinh ngày 27/4/2023. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu N2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi cháu N2 đủ tuổi thành niên. Xét thấy việc thỏa thuận của anh, chị về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng

nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Chị N và anh N1 thỏa thuận chị N chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lưu Bích N1.

- Về con chung: Chị N và anh N1 có 01 con chung là cháu Lưu Quỳnh N2, sinh ngày 27/4/2023. Ly hôn, giao cháu N2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi cháu N2 đủ tuổi thành niên.

Anh N1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0001622 ngày 22/8/2024, chị N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP.T;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND xã Y, huyện X;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh